**Tuần 9:**

**Tiết 1: LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy:02/11/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS được củng cố các kiến thức về phân tích một số ra thừa số nguyên tố

\_ Dựa vào việc phân tích ra thừa số nguyên tố, HS tìm được tập hợp các ước của số cho trước

\_ Giáo dục HS ý thức giải toán, phát hiện các đặc điểm của việc phân tích ra thừa số nguyên tố để giải quyết các bài tập liên quan

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| HS1:  Thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố?  Sửa bài tập 127 trang 50 SGK  HS2 : Sửa bài tập 128 trang SGK  Cho số . Mỗi số 4, 8, 16, 11, 20 có là ước của a hay không? Giải thích | HS1:  chia hết cho các số nguyên tố 3, 5  chia hết cho các số nguyên tố 2, 3, 5  chia hết cho các số nguyên tố 2, 3, 5, 7  chia hết cho các số nguyên tố 2, 3, 5, 17  HS2:  Các số 4, 8, 11, 20 là ước của a  Số 16 không là ước của a |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | |
| **Bài 129 trang 50 SGK**  a) Cho số a = 5.13. Hãy viết tất cả các ước của a  b) Cho số b = 25. Hãy viết tất cả các ước của b  c) Cho số c = 32.7. Hãy viết tất cả các ước của c  **Bài 130 trang 50 SGK**  Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố rồi tìm tập hợp các ước của mỗi số : 51; 75; 42; 30  **Bài 131 trang 50 SGK**  a) Tích của hai số tự nhiên bằng 42. Tìm mỗi số  b) Tích của hai số tự nhiên a và b bằng 30. Tìm a và b, biết rằng a < b  **Bài 132 trang 50 SGK**  Tâm có 28 viên bi. Tâm muốn xếp số bi đó vào các túi sao cho số bi ở các túi đều bằng nhau. Hỏi Tâm có thể xếp 28 viên bi đó vào mấy túi ? (kể cả trường hợp xếp vào một túi)  **Bài 133 trang 51 SGK**  a) Phân tích số 111 ra thừa số nguyên tố rồi tìm tập hợp các ước của 111  b) Thay dấu \* bởi chữ số thích hợp : | \_ HS :  a) a = 5.13 = 65 = 1.65 nên Ư(a) = {1; 5; 13; 65}  b) b = 25 = 32 = 1.32 = 2.16 = 4.8 nên Ư(b) = {1; 2; 4; 8; 16; 32}  c) c = 32.7 = 63 = 1.63 = 3.21 = 7.9 nên Ư(c) = {1; 3; 7; 9; 21; 63}  \_ HS :  a) 51 = 3.17. Ư(51) = {1; 3; 17; 51}  b) 75 = 3.52. Ư(75) = {1; 3; 5; 15; 25; 75}  c) 42 = 2.3.7. Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  d) 30 = 2.3.5. Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  \_ HS :  a) Mỗi số là một ước của 42. Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  Vậy các số phải tìm là 1 và 42, 2 và 21, 3 và 14, 6 và 7  b) a và b là ước của 30 (a < b) Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  Ta có bảng sau :   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 1 | 2 | 3 | 5 | | b | 30 | 15 | 10 | 6 |   \_ HS :  Số túi là ước của 28.  Đáp số : 1, 2, 4, 7, 14, 28 túi  \_ HS :  a) 111 = 3.37. Ư(111) = {1; 3; 37; 111}  b)  là ước của 111 và có hai chữ số, ta tìm được  = 37. Vậy ta có 37.3 = 111 | **Bài 129/50 SGK**  a) a = 5.13 = 65 = 1.65 nên Ư(a) = {1; 5; 13; 65}  b) b = 25 = 32 = 1.32 = 2.16 = 4.8 nên Ư(b) = {1; 2; 4; 8; 16; 32}  c) c = 32.7 = 63 = 1.63 = 3.21 = 7.9 nên Ư(c) = {1; 3; 7; 9; 21; 63}  **Bài 130 trang 50 SGK**  a) 51 = 3.17. Ư(51) = {1; 3; 17; 51}  b) 75 = 3.52. Ư(75) = {1; 3; 5; 15; 25; 75}  c) 42 = 2.3.7. Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  d) 30 = 2.3.5. Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  **Bài 131 trang 50 SGK**  a) Mỗi số là một ước của 42. Ư(42) = {1; 2; 3; 6; 7; 14; 21; 42}  Vậy các số phải tìm là 1 và 42, 2 và 21, 3 và 14, 6 và 7  b) a và b là ước của 30 (a < b) Ư(30) = {1; 2; 3; 5; 6; 10; 15; 30}  Ta có bảng sau :   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 1 | 2 | 3 | 5 | | b | 30 | 15 | 10 | 6 |   **Bài 132 trang 50 SGK**  Số túi là ước của 28.  Đáp số : 1, 2, 4, 7, 14, 28 túi  **Bài 133 trang 51 SGK**  a) 111 = 3.37. Ư(111) = {1; 3; 37; 111}  b)  là ước của 111 và có hai chữ số, ta tìm được  = 37. Vậy ta có 37.3 = 111 |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Xem lại các bài tập đã sửa  \_ Bài tập 161, 162, 166, 168 trong SBT  \_ Xem trước bài “Ước chung và bội chung” | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_Giáo viên củng cố các kiến thức về phân tích một số ra thừa số nguyên tố, cho nhiều bài tập phân tích ra thừa số nguyên tố, HS tìm được tập hợp các ước của số cho trước.

-Giáo viên chú ý rèn cho HS yếu.

**Tiết 2: ƯỚC CHUNG VÀ BỘI CHUNG**

**Tuần 9**

**Ngày dạy:02/11/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS nắm được định nghĩa ước chung, bội chung, hiểu được khái niệm giao của hai tập hợp

\_ HS biết tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước, liệt kê các bội rồi tìm các phần tử chung của hai tập hợp, biết sử dụng kí hiệu giao của hai tập hợp

\_ HS biết tìm ước chung và bội chung trong một số bài toán đơn giản

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | |
| \_ ***HS1:***   * Tìm các Ư(4); Ư(6)   \_ ***HS2:***   * Tìm các B(6), B(3)   - Giữ lại 2 bài trên ở góc bảng | \_ ***HS1:***    \_ ***HS2:*** |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : ƯỚC CHUNG** | | |
| - Chỉ vào phần tìm ước của HS dùng phấn màu với các ước 1, 2 của 4; các ước 1, 2 của 6    - Nhận xét trong Ư(4) và Ư(6) có các số nào giống nhau?  - Khi đó ta nói chúng là ước chung của 4 và 6  - GV giới thiệu kí hiệu tập hợp các ước chung của 4 và 6  - Nhấn mạnh:  nếu  và  - Tương tự ƯC(a, b, c)  - GV yêu cầu HS làm  trang 52 SGK | - Trong Ư(4) và Ư(6) có số 1 và số 2 giống nhau  - HS đọc phần đóng khung trong SGK trang 51: Ước chung của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó    trang 52 SGK  đúng vì  và  sai vì  nhưng | **1. Ước chung:**      - *Tổng quát:* SGK trang 51  nếuvà  nếu,  và  trang 52 SGK  đúng vì  và  sai vì  nhưng |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : BỘI CHUNG** | | |
| - GV chỉ vào phần tìm bội của HS2 trong kiểm tra bài cũ    - Số nào vừa là bội của 3, vừa là bội của 6  - Các số 0, 3, 12, 18… vừa là bội của 3, vừa là bội của 6. Ta nói chung là các bội chung của 3; 6  - Vậy thế nào là bội chung của hai hay nhiều số?  - GV giới thiệu kí hiệu tập hợp các bội chung của 4 và 6  - Nhấn mạnh:  nếu và  - GV giới thiệu BC(a, b, c)  - GV yêu cầu HS làm  trang 52 SGK | - HS: Số 0, 3, 12, 18 vừa là bội của 3, vừa là bội của 6  - HS đọc phần đóng khung trong SGK trang 52: Bội chung của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó  trang 52 SGK  hay  hay  hay | **2. Bội chung:**    - *Tổng quát:* SGK trang 52  nếuvà  nếu,  và  trang 52 SGK  hay hay  hay |
| **HOẠT ĐỘNG 4 : CHÚ Ý** | | |
| - GV cho HS quan sát ba tập hợp Ư(4), Ư(6), ƯC(4, 6)  - Tập hợp ƯC(4, 6) tạo thành bởi các phần tử nào của các tập hợp Ư(4) và Ư(6)  - GV giới thiệu giao của hai tập hợp Ư(4) và Ư(6)  - Minh họa bằng hình vẽ    - GV giới thiệu kí hiệu    - GV yêu cầu HS mô tả phần ví dụ trong SGK | - HS: Tập hợp ƯC(4, 6) tạo thành bởi các phần tử 1, 2 của các tập hợp Ư(4) và Ư(6)   1. A = {3; 4; 6}   B = {4; 6}  A ∩ B = {4; 6}  b) | **3. Chú ý:**      - Giao của hai tập hợp là một tập hợp gồm các phần tử chung của hai tập hợp đó |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : LUYỆN TẬP – CỦNG CỐ** | | |
| \_ GV cho HS làm các bài tập 134, 135 trang 53 SGK.  \_ GV sửa bài cho HS | \_ HS lên bảng làm bài. Các em còn lại làm bài vào tập  \_ HS sửa bài vào tập |  |
| **HOẠT ĐỘNG 5 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | |
| \_ Học bài  \_ Làm bài tập 136, 137 trang 53 SGK  \_ Xem trước bài “Ước chung lớn nhất” | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Giáo viên giảng kỹ định nghĩa ước chung, bội chung, hiểu được khái niệm giao của hai tập hợp

\_ Giáo viên cho các bài tập tìm ước chung, bội chung của hai hay nhiều số bằng cách liệt kê các ước, liệt kê các bội rồi tìm các phần tử chung của hai tập hợp, biết sử dụng kí hiệu giao của hai tập hợp

\_ GV cho thêm toán thực tế để HS luyện tập.

**Tiết 3: LUYỆN TẬP**

**Tuần 9**

**Ngày dạy:04/11/2020**

**Lớp dạy: 6A2, 6A3**

**I ) MỤC TIÊU :**

\_ HS được củng cố và khắc sâu các kiến thức về ước chung và bội chung của hai hay nhiều số.

\_ Rèn kĩ năng tìm ước chung và bội chung : tìm giao của hai tập hợp

\_ Vận dụng vào các bài toán thực tế

**II ) CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH :**

\_ GV : SGK, thước thẳng, phấn màu …

\_ HS : SGK, thước kẻ …

**III ) TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **NỘI DUNG GHI BẢNG** |
| **HOẠT ĐỘNG 1 : KIỂM TRA BÀI CŨ** | | | | |
| GV nêu câu hỏi :  \_ HS1 : Ước chung của hai hay nhiều số là gì ? x ∈ UC(a; b) khi nào ?  + Sửa bài tập 169(a), 170(a) SBT  \_ HS2 : Bội chung của hai hay nhiều số là gì ? x ∈ BC(a; b) khi nào ?  + Sửa bài tập 169(b), 170(b) SBT  \_ GV nhận xét, đánh giá và cho điểm | | \_ HS lên bảng trả lời câu hỏi và sửa bài tập | |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2 : LUYỆN TẬP** | | | | |
| **Bài 134 trang 53 SGK**  Điền kí hiệu ∈ hoặc ∉ vào ô vuông cho đúng :    **Bài 135 trang 53 SGK**  Viết các tập hợp :   1. Ư(6), Ư(9), ƯC(6,9) 2. Ư(7), Ư(8), ƯC(7,8) 3. ƯC(4,6,8)   **Bài 136 trang 53 SGK**  Viết tập hợp A các số tự nhiên nhỏ hơn 40 là bội của 6  Viết tập hợp B các số tự nhiên nhỏ hơn 40 là bội của 9  Gọi M là giao của hai tập hợp A và B  a) Viết các phần tử của tập hợp M  b) Dùng kí hiệu ⊂ để thể hiện quan hệ giữa tập hợp M với mỗi tập hợp A và B  **Bài 137 trang 53 SGK**  Tìm giao của hai tập hợp A và B, biết rằng :  a) A = {cam, táo, chanh}  B = {cam, chanh, quýt}  b) A là tập hợp các học sinh giỏi môn Văn của một lớp, B là tập hợp các học sinh giỏi môn Toán của lớp đó  c) A là tập hợp các số chia hết cho 5, B là tập hợp các số chia hết cho 10  d) A là tập hợp các số chẵn, B là tập hợp các số lẻ | \_ HS :    \_ HS :  a) Ư(6) = {1; 2; 3; 6}  Ư(9) = {1; 3; 9}  Ư(6, 9) = {1; 3}  b) Ư(7) = {1; 7}  Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  Ư(7, 8) = {1}  c) Ư(4) = {1; 2; 4}  Ư(6) = {1; 2; 3; 6}  Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  ƯC(4, 6, 8) = {1; 2}  \_ HS :  A = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36}  B = {0; 9; 18; 27; 36}  a) M = A ∩ B = {0; 18; 36}  b) M ⊂ A, M ⊂ B  \_ HS :  a) A ∩ B = {cam, chanh}  b) A ∩ B là tập hợp các học sinh vừa giỏi Văn, vừa giỏi Toán của lớp  c) A ∩ B = B  d) A ∩ B = ∅ | | **Bài 135 trang 53 SGK**  a) Ư(6) = {1; 2; 3; 6}  Ư(9) = {1; 3; 9}  Ư(6, 9) = {1; 3}  b) Ư(7) = {1; 7}  Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  Ư(7, 8) = {1}  c) Ư(4) = {1; 2; 4}  Ư(6) = {1; 2; 3; 6}  Ư(8) = {1; 2; 4; 8}  ƯC(4, 6, 8) = {1; 2}  **Bài 136 trang 53 SGK**  A = {0; 6; 12; 18; 24; 30; 36}  B = {0; 9; 18; 27; 36}  a) M = A ∩ B = {0; 18; 36}  b) M ⊂ A, M ⊂ B  **Bài 137 trang 53 SGK**  a) A ∩ B = {cam, chanh}  b) A ∩ B là tập hợp các học sinh vừa giỏi Văn, vừa giỏi Toán của lớp  c) A ∩ B = B  d) A ∩ B = ∅ | |
| **HOẠT ĐỘNG 3 : HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ** | | | | |
| \_ Xem lại các bài tập đã sửa  \_ Bài tập 171, 172 trong SBT  \_ Xem trước bài “Ước chung lớn nhất” | | | | |

**\* Rút kinh nghiệm:**

\_ Giáo viên cho các bài tập rèn kĩ năng tìm ước chung và bội chung : tìm giao của hai tập hợp

\_ Vận dụng vào các bài toán thực tế

\_GV giảng chậm, kỹ để HS nắm bài.